TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG LĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/04/2018
V/v "Tranh chấp không công nhận vợ chồng và phân chia con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông *Phạm Đức Quang.*

- Các hội thẩm nhân dân: Bà *Nguyễn Thị Cương* và bà *Nguyễn Thị Xoan***.**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Phú Quý - Thư ký toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 20/04/2018 tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp " *Không công nhận vợ chồng và phân chia con chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần T N - Sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Cụm A, tổ dân phố C, phường B H, thị xã H L, tỉnh H T.
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Hoàng V L - Sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Cụm A, tổ dân phố C, phường B H, thị xã H L, tỉnh H T.
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện xin không công nhận là vợ chồng và tại các bản tự khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Trần T N trình bày:

Chị Trần T N và anh Hoàng V L sau quá trình tìm hiểu đã có tình cảm yêu thương và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng có tổ chức lễ cưới tại Hàn Quốc. Sau khi về chung sống với nhau như vợ chồng thì hai người sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được khoảng 13 năm. Nhưng về sau này mâu thuẫn giữa hai người bắt đầu nảy sinh nguyên nhân do anh L đánh lô, đề và

khi thua hay đánh đập tôi nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm hai người không còn nên chị N yêu cầu Toà giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Hoàng V L.

Tại bản tự khai có tại hồ sơ và tại tại phiên toà hôm nay anh Hoàng V L trình bày: Anh sống chung như vợ chồng với chị Trần T N từ năm 2000 và sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L kinh doanh thua lỗ, chị N sống thiếu trách nhiệm với gia đình nên tình cảm đôi bên không còn. Nay chị N làm đơn xin không công nhận giữa anh và chị N là vợ chồng anh cũng đồng ý.

- *Về con chung hai người*: Chị Trần T N và anh Hoàng V L đều trình bày thống nhất quá trình chung sống với nhau giữa hai người có ba con chung: Cháu Hoàng M V, sinh ngày 02/10/2001, Hoàng G H, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Hoàng Q A, sinh ngày 16/09/2009. Tại biên bản hoà giải ngày 06/02/2018 chị Trần T N và anh Hoàng V L thoả thuận thống nhất giao hai cháu Hoàng M V, Hoàng G H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Q A cho anh L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trần T N và anh Hoàng V L trình bày thống nhất không yêu cầu toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: [1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện "Hôn nhân và gia đình" giữa nguyên đơn chị Trần T N và bị đơn anh Hoàng V L đều ở địa chỉ tổ dân phố 2, phường B H, thị xã H L, tỉnh H T, căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H L, tỉnh H T.

Về quan hệ hôn nhân: [2] Chị Trần T N và anh Hoàng V L sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở yêu thương tự nguyện mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau đôi bên có thời gian sống hạnh phúc được 13 năm nhưng sau đó mâu thuẫn bắt đầu xẩy ra nguyên nhân do đôi bên thiếu quan tâm, bất đồng quan điểm sống, cách làm, cách nghĩ hai người khác nhau nên cuộc sống hai người luôn căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể sống chung với nhau được. Hiện nay tình cảm đôi bên không còn nên đều yêu cầu Toà án không công nhận hai người là vợ chồng.

[3] Hội đồng xét xử thấy quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị N và anh L nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình năm

1986. Từ ngày Luật hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2001 đến ngày 01 tháng 01 năm 2003 anh, chị cũng không đến cơ quan có thẩm quyền là UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai người để đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy căn cứ vào khoản 7 Điều 3; Điều 9 ; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKNDST-BTP, ngày 06/01/2016, tuyên bố không công nhận chị Trần T N và anh Hoàng V L là vợ chồng.

Về phần con chung: [4] Chị Trần T N và anh Hoàng V L có 3 con chung là cháu Hoàng M V, sinh ngày 02/10/2001, Hoàng G H, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Hoàng Q A, sinh ngày 16/09/2009. Tại biên bản hoà giải ngày 06/02/2018 cũng như tại phiên toà hôm nay chị Trần T N và anh Hoàng V L thoả thuận thống nhất giao hai cháu Hoàng M V, Hoàng G H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Q A cho anh L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Sự tự nguyện này của chị N và anh L không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến sự phát triển đến thể chất, tinh thần của các con và cũng phù hợp với nguyện vọng của 3 con nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 15, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: [5] Chị Trần T N và anh Hoàng V L thoả thuận thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

- *Về án phí:* [6] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:* [7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 3, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKNDST- BTP, ngày 06/01/2016, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận chị Trần T N và anh Hoàng V L là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần T N và anh Hoàng V L: Giao Cháu Hoàng M V sinh ngày 02/10/2001 và Hoàng G H, sinh ngày 22/4/2007 cho chị TN trực tiếp nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Q A, sinh ngày 16/09/2009 cho anh Hoàng V L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi. Chị N, anh L không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên

nào. Chị N, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử buộc: Chị Trần T N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001138, ngày 18 tháng 1 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H L, tỉnh H T. Tiền án phí dân sự thẩm chị N đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần T N và anh Hoàng V L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh H T*;
- *VKSND thị xã H L;*
- *VKSND tỉnh H T;*
- *Chi cục THADS HL;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường BH;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Đức Quang